

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/DS-PT  
Ngày 28 - 08 - 2020  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hùng Nuôi.

*Các Thẩm phán:* 1/. Ông Nguyễn Văn Toàn.  
2/. Ông Hồ Văn Phụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:** Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: **81/2020/TLPT-DS**, ngày 04 tháng 08 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 08 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty G; Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

\* *Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Toàn Đ (tên khác H) - Chức vụ: Giám đốc Công ty G. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị M, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Trương Thị M là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**1. Nguyên đơn Công ty G, người đại diện trình bày:** Công ty G (sau đây viết tắt Công ty G) có ký hợp đồng mua bán hải sản với chủ ghe là bà Trương Thị M. Khi thỏa thuận bên mua (Công ty G) sẽ ứng trước cho bên bán là chủ ghe (bà M) 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) để làm chi phí đánh bắt hải sản. Sau khi đánh bắt được hải sản bà M sẽ bán lại cho Công ty G theo giá thỏa thuận của thị trường. Sau một thời gian mua bán đến khoảng tháng 6 năm 2018 thì phía chủ ghe là bà M ngưng bán hải sản cho Công ty G và đến nay vẫn còn nợ Công ty G số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

Nay Công ty G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị M hoàn trả số tiền là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng); Đồng thời tính lãi chậm trả từ ngày 01/01/2019 đến nay theo quy định của pháp luật.

**2. Bị đơn Trương Thị M trình bày:** Bà M thừa nhận có nợ Công ty G số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng). Nhưng do làm ăn thất bại nên hiện nay bà M không có tiền thanh toán một lần cho Công ty G. Nay bà M xin trả dần mỗi năm 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) cho đến khi dứt nợ. Còn đối với phần tiền lãi bà M không đồng ý theo yêu cầu của Công ty G.

\* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 17 tháng 06 năm 2020, đã quyết định:

Căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Buộc bà Trương Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty G do ông Nguyễn Toàn Đ là người đại diện theo pháp luật tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (17/6/2020) là 114.605.267đ (Một trăm mười bốn triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng).
- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Toàn Đ cho đến khi thi hành án xong mà bà M chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

\* Ngày 26/06/2020, bị đơn Trương Thị M nộp Đơn kháng cáo đề ngày 25/6/2020 kháng cáo bản án sơ thẩm, với lý do: Công ty G cho rằng bà M ngưng bán vào tháng 6/2018 là không đúng, mà trên thực tế bà M ngưng bán vào tháng 6/2019, nên tính lãi từ ngày 01/01/2019 là không đúng và trong hợp đồng cũng không đề cập đến lãi suất. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà M trả cho Công ty G tiền vốn đã nhận là 100.000.000đồng và không tính lãi, xin trả hàng năm 25.000.000đồng đến khi hết nợ.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho nguyên đơn Công ty G không rút đơn khởi kiện; Bị đơn Trương Thị M giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và cho rằng tại phiên tòa các bên thỏa thuận thống nhất số nợ, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất trả nợ và không đặt ra xem xét kháng cáo, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[I] Về tố tụng:*

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của Trương Thị M là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Bị đơn Trương Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo trình tự phúc thẩm.

#### *[II] Về nội dung:*

[1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các bên đương sự thừa nhận, vào ngày 10/6/2018 giữa ông Nguyễn Toàn Đ (Bên mua) với bị đơn Trương Thị M (Bên bán) có ký kết Hợp đồng mua bán, theo đó Bên mua có đưa tiền cọc cho bên bán 100.000.000đồng để đảm bảo thực hiện Hợp đồng mua bán và Bên bán (bà M) là chủ Ghe mang biển số: ST – 929XX – TS sau khi đánh bắt hải sản về phải bán cho Bên mua theo giá thỏa thuận trong hợp đồng và giá thị trường tại thời điểm bán, Hợp đồng mua bán có sử dụng con dấu của Công ty G để đóng vào hợp đồng (Bên mua do ông Đ ký tên) và có hiệu lực đến hết ngày 10/6/2021.

[2] Tuy nhiên, theo nguyên đơn Công ty G (do ông Nguyễn Toàn Đ đại diện) cho rằng bị đơn M ngưng bán hải sản cho Công ty G từ tháng 6/2018 là vi phạm hợp đồng và bị đơn M cũng không trả lại số tiền cọc 100.000.000đồng, nên Công ty G khởi kiện yêu cầu bị đơn M trả lại số tiền 100.000.000đồng và trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 01/1/2019.

[3] Ngược lại, theo bị đơn Trương Thị M thì đến tháng 6/2019 do Ghe của bị đơn ngưng đánh bắt hải sản nên mới ngưng bán hải sản cho nguyên đơn từ tháng 6/2019 và cũng chưa trả lại cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đồng.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty G và buộc bị đơn Trương Thị M trả lại số tiền 100.000.000đồng và trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 14.605.267đồng.

[5] Theo kháng cáo, bị đơn bà Trương Thị M đồng ý trả cho Công ty G số tiền đã nhận là 100.000.000đồng và xin trả mỗi năm 25.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Đối với tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 14.605.267đồng bị đơn không đồng ý trả, vì bà M ngưng bán từ tháng 6/2019, không phải từ tháng 6/2018 và trong hợp đồng cũng không đề cập đến lãi suất.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện cho Công ty G chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Trương Thị M, đồng ý cho bị đơn M trả lại tiền 100.000.000đồng và không yêu cầu trả số tiền lãi là 14.605.267đồng. Đối với yêu cầu của bị đơn M xin trả mỗi năm 25.000.000đồng cho đến khi hết nợ, đại diện cho nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

[7] Xét thấy, việc người đại diện cho nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trả số tiền là 100.000.000đồng và không yêu cầu trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khác. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và buộc bị đơn Trương Thị M có nghĩa vụ trả cho Công ty G số tiền cọc để đảm bảo thực hiện Hợp đồng mua bán là 100.000.000đồng.

[8] Đối với yêu cầu của bị đơn Trương Thị M xin trả mỗi năm 25.000.000đồng cho đến khi hết nợ, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, đến giai đoạn thi hành án yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự xem xét thuộc thẩm quyền.

[9] Do ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm và không đặt ra xem xét nội dung kháng cáo.

[10] Kiểm sát viên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho người kháng cáo và tính lại án phí dân sự sơ thẩm cho đúng luật định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Kháng cáo của bị đơn Trương Thị M, không đặt ra xem xét.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự, sửa Bản án sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng, quyết định như sau:

*Căn cứ: Điều 430, Điều 440, Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty G. Buộc bị đơn Trương Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty G số tiền nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), theo Hợp đồng mua bán ngày 10/6/2018.*

*Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Công ty G có đơn yêu cầu Thi hành án thì bị đơn Trương Thị M phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả đủ số tiền nêu trên cho nguyên đơn Công ty G theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Nếu bị đơn Trương Thị M không thực hiện thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

*2. Về án phí dân sự sơ thẩm:*

*2.1. Bị đơn Trương Thị M phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).*

*2.2. Hoàn trả cho Công ty G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0002071 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.*

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo bà Trương Thị M không phải chịu. Hoàn trả cho người kháng cáo Trương Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002188 ngày 29-6-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phạm Hùng Nuôi**

